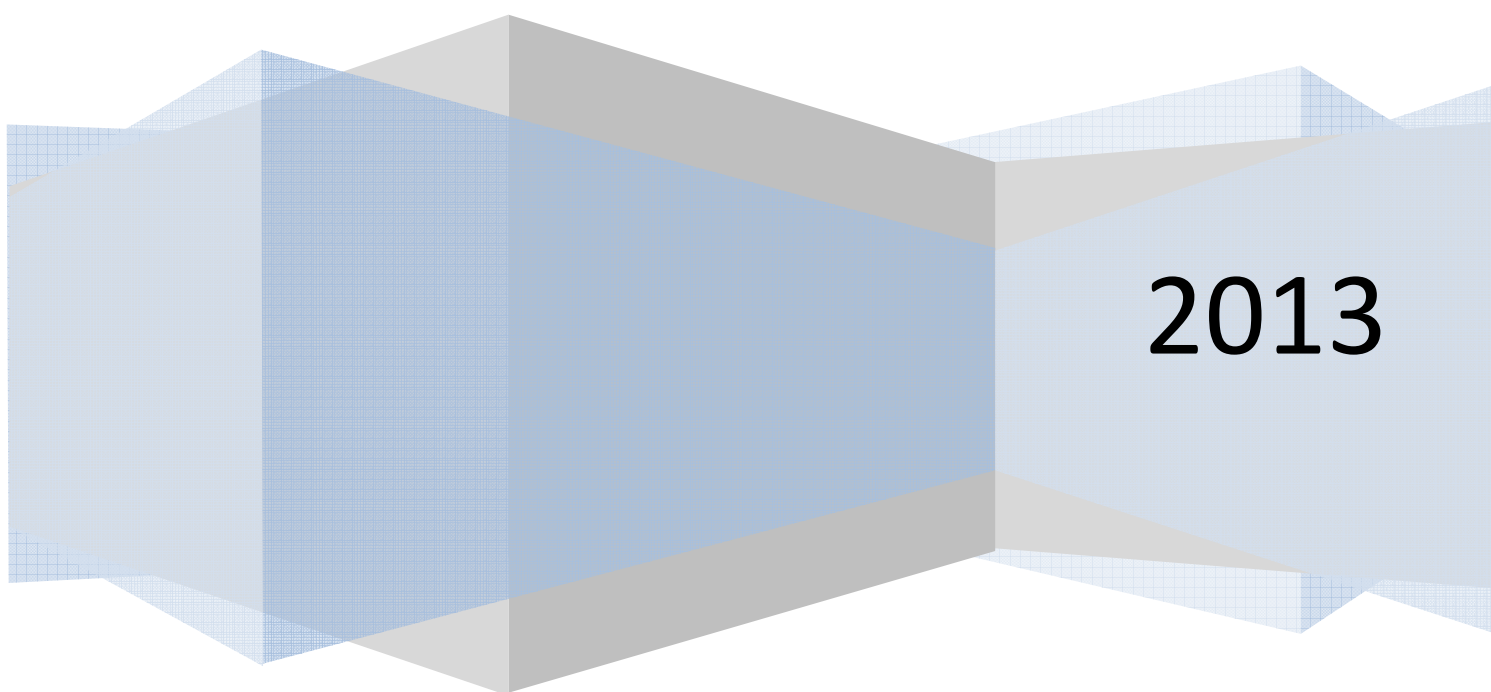


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS)**



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VICS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2008 với số vốn Điều lệ ban đầu là 150 tỷ Đồng. Cổ đông sáng lập gồm những các tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp uy tín như: VINACHEM GROUP, VINAPACO, THANGLONG INVEST GROUP, X-VALUE Việt Nam...

Hiện cổ phiếu VICS đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VIG. Ngay khi hoàn thành việc tăng vốn đạt mức vốn điều lệ mới là 341,333 tỷ đồng vào năm 2010.

2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- ✓ 11/1/2008 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) được chính thức cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 88/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- ✓ 27/3/2008 Trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HASTC), nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định số 113/QĐ-TTGDCKHN ngày 26/3/2008 của HASTC;
- ✓ 11/4/2008 Trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 76/QĐ-SGDHCM ngày 8/4/2008 của HOSE;
- ✓ 27/6/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh TP HCM theo Quyết định số 447/QĐ-UBCK ngày 27/6/2008 của UBCK NN;
- ✓ 16/10/2009 Đại hội cổ đông bất thường 2009 thành công, thông qua các Nghị quyết quan trọng là niêm yết cổ phiếu VICS tại HNX và tăng vốn điều lệ lên trên 300 tỷ đồng;
- ✓ 1/12/2009 Chính thức chào sàn niêm yết cổ phiếu VICS tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán VIG;
- ✓ 7/9/2010 VICS vinh dự là một trong số 100 doanh nghiệp niêm yết được trao tặng giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín - 2010”;
- ✓ 11/10/2010 Được chấp thuận sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động với mức vốn điều lệ mới là 341,333 tỷ đồng, đủ điều kiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- ✓ 7/4/2011 VICS vinh dự là 1 trong 113 doanh nghiệp được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND về việc khen thưởng thành tích công tác năm 2010 khối doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

- ✓ 5/7/2011 VICS vinh dự là một trong 37 doanh nghiệp đoạt giải thưởng cuộc Bình chọn Báo cáo Thường niên Tốt nhất năm 2011 trong tổng số hơn 600 báo cáo thường niên của các doanh nghiệp niêm yết trên cả hai sàn HSX và HNX.
- ✓ 18/3/2013 Sở HNX đưa VICS vào diện kiểm soát đặc biệt do lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị âm liên tiếp trong hai năm 2011 và 2012 (-96.282.776.217 đồng và -63.400.681.017 đồng).
- ✓ 2/5/2013 VICS thoát khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo Quyết định số 239/QĐ-UBCK ngày 2/5/2013 của Chủ tịch UBCKNN do VICS đã tập trung thu hồi các khoản nợ của khách hàng để giảm giá trị rủi ro thanh toán, rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, tái cơ cấu danh mục đầu tư để giảm giá trị rủi ro thị trường. Kết quả từ cuối tháng 5 năm 2012 tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VIG liên tục được cải thiện (trên 200%). Kết thúc năm 2012 tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2012 của Công ty đã kiểm toán là 249,21%. VIG đã đề nghị UBCK Nhà nước đưa ra diện kiểm soát đặc biệt và được chấp thuận.
- ✓ 25/5/2013 Đại hội đồng Cổ đông Công ty thường niên 2013 thành công tốt đẹp. HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013-2018 đã được các cổ đông bầu tại Đại hội này.
- ✓ 28/8/2013 Ngày chính thức đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát theo quyết định của Sở GDCK Hà Nội. Lý do đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát: Do lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2013 tại Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2013 của VICS đã được soát xét ngày 30/7/2013 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đạt giá trị dương (848.637.936 đồng).
- ✓ 30/9/2013 Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPDC-UBCK ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBCKNN về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.
- ✓ 30/9/2013 Chấp thuận thay đổi địa điểm và đổi tên Chi nhánh Tp. HCM thành Chi nhánh Tp. Hà Nội theo Quyết định số 591/QĐ-UBCK ngày 30/9/2013 của UBCKNN về việc sửa đổi quyết định thành lập Chi nhánh Công ty chứng khoán.

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của VICS bao gồm: Dịch vụ chứng khoán; Dịch vụ ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp; Dịch vụ tài chính; Nghiên cứu phân tích và Tư vấn đầu tư; Hoạt động đầu tư tài chính.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

VICS cung cấp cho nhà đầu tư các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

VICS cung cấp cho các doanh nghiệp các sản phẩm dịch vụ đa dạng và chất lượng cao bao gồm: Tư vấn cổ phần hóa, sắp xếp tái cơ cấu doanh nghiệp, tư vấn niêm yết chứng khoán, tư vấn, tư vấn mua bán sáp nhập (M&A), kết nối và xúc tiến đầu tư... cùng nhiều dịch vụ tư vấn tài chính hữu ích khác;

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

VICS cung cấp nhiều dịch vụ tài chính tiện ích và năng động như: Hỗ trợ tài chính và thu xếp vốn đầu tư, Hợp tác kinh doanh chứng khoán, hỗ trợ thanh toán và nhiều dịch vụ tài chính khác giúp nhà đầu tư thuận lợi và hiệu quả trong hoạt động giao dịch đầu tư chứng khoán.

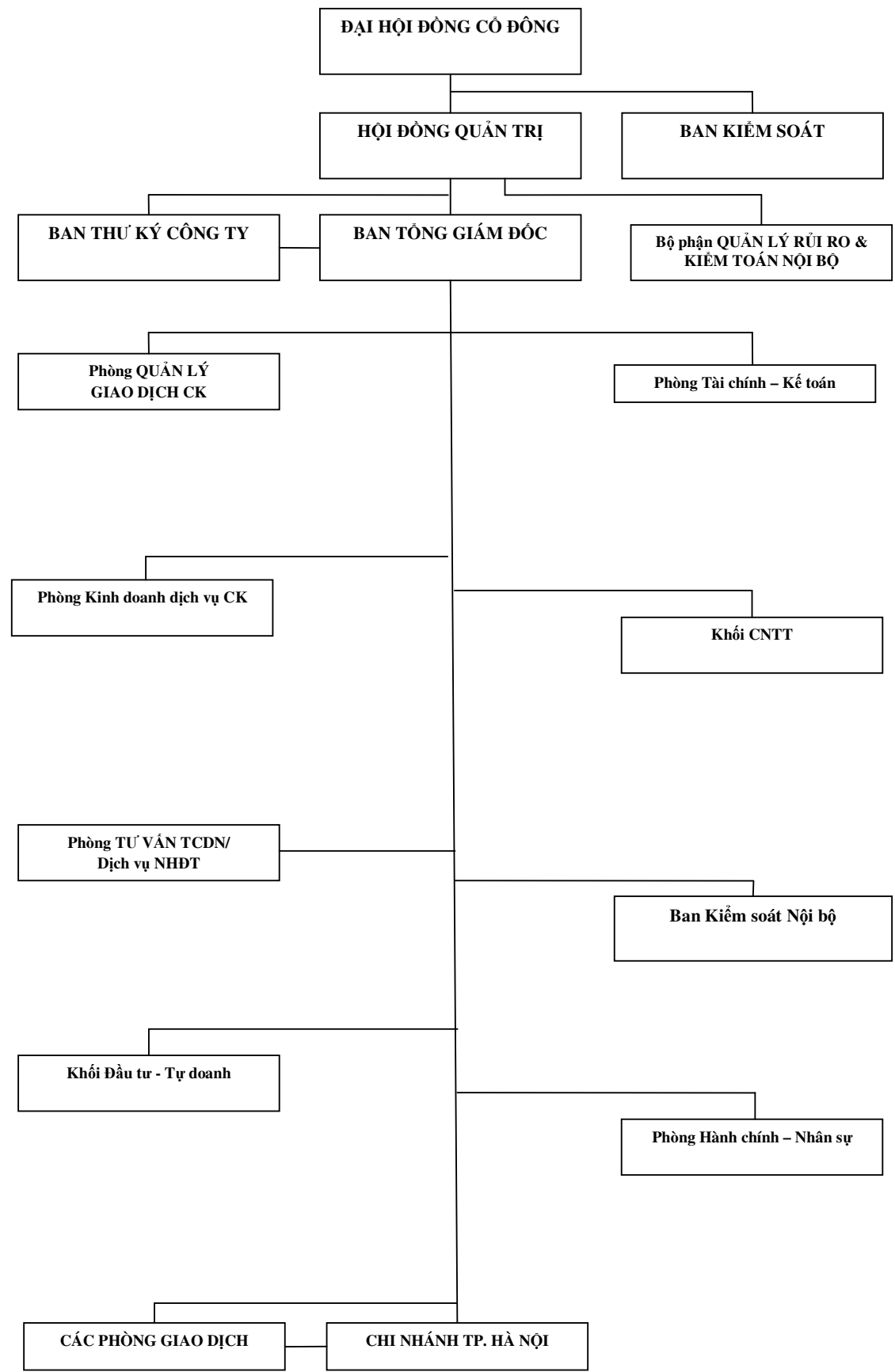
NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

VICS cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích chuyên nghiệp thông qua các báo cáo phân tích cơ bản cổ phiếu, phân tích kinh tế, phân tích thị trường từ đó hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đầu tư và tư vấn chiến lược đầu tư hữu hiệu cho các nhà đầu tư.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

VICS có hoạt động đầu tư năng động thông qua các hình thức đầu tư tài chính đa dạng như: Đầu tư tự doanh chứng khoán, đầu tư chiến lược vào các cổ phiếu tiềm năng, đầu tư tài chính vào các dự án khả thi và ủy thác đầu tư.

4. SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

*** MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

- ✓ Xây dựng VICS trở thành một công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và năng lực giao dịch trực tuyến mạnh trên thị trường.
- ✓ Phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch tại các đô thị lớn có thị trường khách hàng tốt, hoạt động hiệu quả theo hướng tự chủ kinh doanh.
- ✓ Xây dựng đội ngũ nhân sự VICS đạt tới các chuẩn mực cao nhất về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực cung cấp dịch vụ và khả năng quản trị doanh nghiệp hiện đại.
- ✓ Xây dựng VICS trở thành một nhà cung cấp uy tín về dịch vụ chứng khoán và giải pháp tài chính, có năng lực nghiên cứu phân tích, tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu cao nhất của khách hàng.
- ✓ Xây dựng VICS trở thành nhà tư vấn cổ phần hóa, IPO, tư vấn niêm yết có uy tín, hỗ trợ hiệu quả cho tiến trình cổ phần hóa và tham gia TTCK của hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam.
- ✓ Hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán chủ động và hiệu quả cao; Tìm kiếm và đầu tư chiến lược vào các công ty có tài sản giá trị, có tiềm năng phát triển để đưa lên niêm yết trên TTCK.
- ✓ Hướng tới trở thành một trong 20 công ty có thị phần hàng đầu trên thị trường.
- ✓ Vượt qua khó khăn của thị trường, hướng tới sự phát triển bền vững, làm lợi cho nhà đầu tư, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, đóng góp và chia sẻ lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2013, kết quả kinh doanh của VICS đã có lãi sau hai năm liên tiếp thua lỗ kể từ khi thành lập. Theo báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Hãng AASC, tại thời điểm 31/12/2013, kết quả kinh doanh của VICS lãi 6.653.970.729 đồng, trong đó lãi do hoạt động tư vấn đầu tư đem lại là 2.092.559.489 và lãi do hoạt động đầu tư danh mục chứng khoán, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản nợ phải thu khó đòi là 3.266.442.913 đồng. Đến thời điểm 31/12/2013, số lỗ lũy kế là 135.692.466.482 đồng tương ứng 39,75 % vốn điều lệ.

Năm 2013, tổng doanh thu đạt 13.815 triệu đồng đạt 74,29% so với năm 2012. Tuy nhiên, chi phí năm 2013 chỉ có 7.161 triệu đồng chiếm 19,91% chi phí hoạt động kinh doanh năm 2012. Do vậy kết quả kinh doanh trong năm của Công ty đã có lãi là 6.654 triệu đồng.

So sánh với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2013, cho thấy tổng doanh thu của Công ty chỉ đạt 57,56% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên lợi nhuận toàn công ty đạt 6.654 triệu đồng vượt 4% so với kế hoạch.

2. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ BỘ MÁY HOẠT

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật
Ông Lê Thái Hưng	Q. Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Q. Phó Tổng Giám đốc
ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT KHỐI, PHÒNG, BAN	
KHỐI QUẢN LÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
Ông Lê Thái Hưng	Q. Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh Tp. Hà Nội
Ông Tô Thành Vinh	Q. Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Môi giới & KDCK
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng Phòng Lưu ký & Quản lý Cổ đông
KHỐI KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN	
Ông Tô Thành Vinh	Q. Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Môi giới & KDCK
KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
Bà Phạm Thị Nguyệt	Phụ trách Khối Tư vấn
KHỐI PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ	
Ông Tô Thành Vinh	Q. Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối
KHỐI TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	
Bà Vũ Huyền Trâm	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán
KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Giám đốc Khối
BAN THƯ KÝ CÔNG TY	
Ông Nghiêm Giang Anh	Trưởng Ban Thư ký Công ty
KHỐI KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO	

Bà Bùi Hồng Mai**Q. Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ**

KHOI VĂN PHÒNG**Ông Nghiêm Giang Anh****Trưởng Phòng HCNS**

CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI**Ông Trần Xuân Đại Thắng****Giám đốc Chi nhánh**

Đứng trước khó khăn kéo dài của thị trường từ đầu năm 2013, được sự chỉ đạo quyết liệt và sát sao của HĐQT, Ban điều hành tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm cơ cấu lại bộ máy nhân sự và công tác điều hành theo hướng thu hẹp hoạt động. Việc cơ cấu tổ chức và tinh giảm nhân sự vẫn đảm bảo hoạt động công ty được vận hành một cách ổn định. Đến thời điểm 31/12/2013, VCS chỉ còn lại 01 chi nhánh tại Hà Nội và 02 phòng giao dịch tại Hà Nội; số CBCNV còn lại - 21 người, mức lương hàng tháng của toàn bộ công ty là 8.855.000 đồng.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2012	Tỷ lệ 2013/2012
Tổng doanh thu	12.547	18.597	67,47%
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	952,9	1.590	59,93%
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, hợp tác kinh doanh chứng khoán	9.465	16.588	57,06%
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.129	419	508,11%
Lợi nhuận trước thuế	6.654	-63.401	

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tổng (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	297.337.000.000	87,11	43.996.000.000	12,89	341.333.000.000	100%
1. Cổ đông nhà nước	0					
2. Cổ đông đặc biệt						
HĐQT	6.085.000.000	1,78				
Ban Giám đốc	6.085.000.000	1,78				
Ban kiểm soát	0	0.00				
Kế toán trưởng	0	0.00				
Cổ đông sáng lập	22.420.000.000	6,57				
Tổng	12.505.000.000	8,35				
3. Cổ đông khác	284.832.000.000	78,76				

* Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tổng (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	297.337.000.000	87,11	43.996.000.000	12,89	341.333.000.000	100
trong đó:						
Cổ đông sở hữu trên 5%	64.384.000.000	18,8				
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	134.113.000.000	39,2				
Cổ đông sở hữu dưới 1%	98.840.000.000	28,9				

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2013

Bước sang năm 2013, nền kinh tế trong nước đã ổn định hơn năm 2012, tạo đà phát triển cho năm 2014. Năm 2013, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ đạt 5,42% thấp hơn so với kế hoạch đề ra là 5,5 % nhưng vẫn cao hơn năm 2012 5,03% và cao hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức trong và ngoài nước. Mục tiêu chỉ số lạm phát năm 2013 cũng được kiểm chế ở mức 6,04%, thấp hơn năm 2012. Sự ổn định đó đã hỗ trợ rất nhiều cho kế hoạch theo đuổi chính sách ổn định nền kinh tế vĩ mô trong nước. Ngoài ra, mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường vốn năm 2013 cũng giảm từ 2-2,5%/năm giúp ổn định thị trường tiền tệ và tín dụng.

Tuy nhiên năm 2013, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các khoản nợ xấu của các doanh nghiệp ngày càng “phình” ra gây cản trở sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế Việt Nam, kéo theo tỷ lệ thất nghiệp của người lao động và số lượng các doanh nghiệp phá sản ngày càng tăng.

Sự nỗ lực của Chính phủ trong việc ổn định nền kinh tế Vĩ mô cũng đã có kết quả trong việc “cởi mở” hơn với đầu tư vốn của các nhà đầu tư nước ngoài, và chính khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã là phao cứu sinh của nền kinh tế, đặc biệt ở các lĩnh vực khoa học công nghệ, sản xuất liên doanh, xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp chế xuất.

Thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK VN) năm 2013 đã dần khởi sắc trở lại. Việc quyết định nới dài thời gian giao dịch, tăng thêm biên độ giao dịch và mở thêm các công cụ đầu tư, ... đã tạo điều kiện cho Thị trường chứng khoán Việt Nam có thêm sức bật. Kết thúc năm 2013, Thị trường chứng khoán Việt Nam có chỉ số VN-Index đạt 504,63 điểm, tăng 22%. Thanh khoản trên sàn Hà Nội (HNX) đạt 40 triệu đơn vị khối lượng khớp lệnh trung bình giảm 11% so với năm 2012, nhưng ngược lại trên sàn TP Hồ Chí Minh (HSX), khối lượng khớp lệnh trung bình đạt 59,3 triệu tăng 28% so với năm 2012. Góp phần cho sự giao dịch tăng mạnh trên sàn HSX là do các nhà đầu tư nước ngoài, làm tăng giá trị mua ròng năm 2013 của sàn HSX đạt 5,547 tỷ đồng tăng 65,4% so với năm 2012.

Năm 2013 vẫn còn khó khăn cho thị trường chứng khoán Việt Nam, nhưng cũng là năm làm cho sự phân hóa các nhóm cổ phiếu trở nên rõ rệt. Nhóm cổ phiếu ổn định và tăng trưởng tốt thuộc về nhóm có nền tảng cơ bản tốt. Tuy nhiên, năm 2013 cũng là năm kỷ lục về số lượng các doanh nghiệp hủy niêm yết là 37 và thêm 13 doanh nghiệp niêm yết mới. Chính vì vậy mà kênh huy động vốn qua thị trường chứng khoán năm 2013 chưa được phát huy. Trong 200.000 tỷ đồng huy động vốn qua TTCK thì có tới 180.000 tỷ đồng được huy động từ trái phiếu chính phủ.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Hoạt động môi giới chứng khoán

Trong năm 2013, doanh thu hoạt động môi giới chỉ đạt 953 triệu đồng giảm 40,06% so với năm 2012 và chỉ đạt 19,86% so với kế hoạch đề ra.

Do khó khăn chung của thị trường, doanh số giao dịch của công ty trong năm 2013 giảm đáng kể so với năm 2012 và so với quy mô thị trường. Năm 2013, thị trường tài chính tín dụng có ổn định hơn năm 2012, tuy nhiên do những chế tài quản lý của Nhà nước, công ty chưa có điều kiện để tiếp cận với các nguồn vốn bên ngoài, để có đủ nguồn lực cung ứng vốn cho các nhà đầu tư giao dịch, nên số khách hàng giao dịch tại công ty thường xuyên là rất nhỏ so với trước đây, mặc dù số lượng tài khoản còn hoạt động tại Công ty vẫn ở mức cao (hơn 2000 tài khoản).

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 2.129 triệu đồng giảm tăng 408,11% so với năm 2012 và vượt kế hoạch đề ra 41,93 %.

Trong năm 2013, Khối tư vấn đã và đang thực hiện 17 hợp đồng tư vấn, trong đó có 12 hợp đồng được ký mới trong năm 2013. Hầu hết các hợp đồng tư vấn của công ty mới dừng lại ở các nghiệp vụ thông thường như tư vấn niêm yết, tăng vốn, đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ.....chịu áp lực cạnh tranh giảm giá rất lớn từ rất nhiều công ty chứng khoán khác trên thị trường. Công ty chưa tiếp cận được các hợp đồng lớn có khả năng mang lại giá trị gia tăng cao như các hợp đồng về tái cơ cấu doanh nghiệp, thu xếp nguồn vốn và các hợp đồng về M&A....

Hoạt động tự doanh đầu tư chứng khoán và hợp tác kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và hợp tác kinh doanh chứng khoán năm 2013 đạt 9.149 triệu đồng giảm 44,04% so với năm 2012 và chỉ đạt 65,35% kế hoạch đề ra.

Có thể nói đây là mảng hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu và bền vững đối với một công ty chứng khoán có mạng lưới khách hàng ổn định và có khả năng kiểm soát rủi ro tốt. Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, trong suốt năm 2013 công ty gần như không thể tiếp cận được với các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và ngân hàng do chính sách thắt chặt tín dụng của Ngân hàng nhà nước, trong khi các năm trước đây, số vốn huy động bình quân cho hoạt động này là 350 - 400 tỷ đồng. Hơn nữa trong năm 2013 nguồn vốn có khả năng thanh khoản của Vics lại bị tổn động phần lớn vào việc đầu tư dài hạn vào CTCP Tòa nhà CNTT-TT Hà Nội (dự án Hanoi ICT Tower) là 43,68 tỷ và bị tổn động trong khoản nợ phải thu chưa có khả năng thanh toán của nhà đầu tư lên tới hơn 57 tỷ đồng.

Đứng trước áp lực cơ cấu lại danh mục còn tồn đọng từ năm 2010, đảm bảo tính tuân thủ theo yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 của Bộ tài chính quy định hướng dẫn về việc thành lập hoạt động công ty chứng khoán có hiệu lực từ 15/01/2013, Công ty cũng đã nỗ lực tái cơ cấu, tắt toán các hợp đồng đầu tư bị hạn chế. Tuy nhiên, danh mục lớn nhất là đầu tư dự án Hanoi ICT Tower lại bị khó khăn bởi thị trường bất động sản hiện nay.

Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống CNTT:

Hệ thống cơ sở thiết bị hạ tầng: Vẫn duy trì hoạt động ổn định. Trong năm 2013, hệ thống hạ tầng CNTT được gấp rút chuyển từ chi nhánh Hà Nội vào hội sở Tp. HCM.

Hệ thống giao dịch Core chứng khoán: Liên tục cập nhật cùng với sự nâng cấp của hệ thống giao dịch của các sở giao dịch. Tự xây dựng riêng phần mềm giao dịch, đặt lệnh chứng khoán VICS Brokery và nhằm tách rời khỏi hệ thống SBS nhằm hỗ trợ tốt hơn phần đặt lệnh cho chi nhánh, hội sở và các đại lý để có thể hoạt động đúng chức năng của hệ thống Front Office. Hệ thống SBS sẽ chỉ hoạt động như hệ thống Back Office, thực hiện chức năng kiểm soát, giám sát là chính.

Hệ thống giao dịch HNX Gateway: Nâng cấp thành công hệ thống giao dịch HNX Gateway với Core mới của sở giao dịch HNX. Nâng cấp hệ thống khớp lệnh cũ với dữ liệu InfoShow 3 của HNX bằng hệ thống khớp lệnh mới sử dụng thông tin khớp lệnh từ HNX Gateway cho kết quả khớp lệnh nhanh chóng và kiểm soát phong tỏa, giải tỏa tốt hơn cho khách hàng.

Hệ thống giao dịch Hose Gateway: Hoạt động ổn định, không có lỗi giao dịch nghiêm trọng. Tiến hành cập nhật và nâng cấp giao dịch cổ phiếu quỹ ETF trên sàn giao dịch HOSE thành công.

Hệ thống giao dịch trực tuyến: Đã có sự nâng cấp mới trong mục đặt lệnh của khách hàng nhằm chuẩn bị hỗ trợ một số lệnh giao dịch mới sắp triển khai trên sàn giao dịch HNX.

3. KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2014

* Kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Kế hoạch kinh doanh năm 2014 được triển khai cụ thể theo các mảng hoạt động trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh được nêu chi tiết tại Báo cáo của Hội đồng quản trị.

* Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014
A	Tổng doanh thu	12.547.121	24.200.000
I	Doanh thu kinh doanh	12.547.121	24.200.000
1	Doanh thu từ hoạt động môi giới	952.907	5.200.000
2	Doanh thu hoạt động tự doanh, đầu tư tài chính khác	315.705	1.000.000
3	Doanh thu hoạt động tư vấn	2.128.841	3.000.000
4	Doanh thu vốn kinh doanh	9.149.666	15.000.000
B	Tổng chi phí	6.360.787	16.995.000
I	Chi phí kinh doanh	8.369.957	9.554.000
II	Chi phí tiền lương	3.618.176	4.021.000
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.627.346)	3.420.000

C	Lợi nhuận trước thuế	6.186.334	7.205.000
D	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	1,81%	2,11%
E	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	2,76%	3,22%
F	Tỷ lệ chi trả cổ tức	0.0%	0.0%

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2013:

Kinh tế vĩ mô năm 2013 nổi lên nhiều điểm sáng đáng chú ý như lạm phát được kiểm soát, tỷ giá duy trì ở mức ổn định và lãi suất giảm đáng kể và đang ở mức khá thấp. GDP năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Ngoài ra, xuất nhập khẩu cũng tăng khá mạnh và dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn được duy trì. Tuy nhiên, nhìn sâu xa hơn vào cấu trúc của nền kinh tế thì Việt Nam vẫn có rất nhiều điểm đáng lo ngại. Chất lượng tăng trưởng vẫn rất thấp, hệ thống tài chính thiếu bền vững và tái cơ cấu nền kinh tế còn quá chậm chạp.

Đối với TTCK năm 2013, VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm, HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm. Sự gia tăng của các chỉ số đã đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 nước có mức độ phục hồi mạnh nhất thế giới. Các số liệu năm 2013 của TTCK cho thấy: (1) 21,97% và 18,83%: Là mức tăng lần lượt của VN-Index và HNX-Index trong năm 2013; (2) 949.000 tỷ đồng là mức vốn hoá thị trường năm 2013 (tăng 184.000 tỷ đồng so với cuối năm 2012), tương đương mức 31% GDP; (3) 107.630.000 cổ phiếu là KLGD bình quân 1 phiên của năm 2013, giá trị giao dịch bình quân trên hai sàn đạt 1.380 tỷ đồng/phiên, tăng 6% so với năm 2012. Một điểm khác biệt so với các năm trước là năm nay TTCK Việt Nam đón dòng vốn từ các quỹ đầu tư vào cổ phiếu midcap như Mutual Elite Fund hay Asia Small Cap Fund. Asia Frontier Capital thành lập quỹ mở 50 triệu USD đầu tư vào TTCK Việt Nam.

Về phía các công ty chứng khoán cùng ngành với VICS cũng diễn ra quá trình thanh lọc rất khốc liệt. Dựa trên cơ sở báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng của các công ty chứng khoán, UBCK đã phân loại các công ty chứng khoán thành 4 nhóm, trong đó 79 CTCK hoạt động lành mạnh, 8 CTCK hoạt động bình thường, 5 CTCK bị kiểm soát và 9 CTCK bị kiểm soát đặc biệt. Hiện có 15 CTCK không còn hoạt động. Năm 2013, 4 CTCK thông qua việc giải thể là Sao Việt, Chợ Lớn, Âu Việt và Sen Vàng trong đó duy nhất SVS đã được UBCK chính thức cấp giấy chấp thuận giải thể theo Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu của 4 CTCK Sao Việt, SBS, GBS, Tràng An đều bị hủy niêm yết trên hai Sở giao dịch. 2 công ty GBS, SME bị UBCK yêu cầu tạm ngừng hoạt động, 3 công ty Delta, Hà Nội, Trường Sơn bị chấm dứt hoạt động kinh doanh. Số công ty chứng khoán lỗi trong năm 2013 là 63% (58/94 công ty chứng khoán có lỗi lũy kế với số lỗi là (-

5.267) tỷ đồng, giảm so với con số hơn 70% công ty lỗ năm 2012. Một số CTCK đã vượt kế hoạch năm như Bảo Việt, VNDS, VCBS, các công ty lãi lớn có HSC, SSI, VPBS, TechcomSC, KLS.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013:

Về phía VICS, năm 2013 là năm mà Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Do đặc thù VICS là một công ty chứng khoán đại chúng với hầu hết các cổ đông nhỏ lẻ, không có sự hậu thuẫn nào về nguồn vốn và các lợi thế kinh doanh từ một ngân hàng hoặc tập đoàn kinh tế mạnh nào đó. Bản thân Công ty phải chịu sự kiểm soát đặc biệt của Sở GDCK Hà Nội do lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị âm liên tiếp trong hai năm 2011 và 2012. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành đúng đắn của Ban Điều hành, sự giám sát chặt chẽ của HĐQT cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty mà VICS đã vượt qua các thử thách khó khăn nhất trong năm 2013. Bằng chứng là ngày 2/5/2013 VICS thoát khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo Quyết định số 239/QĐ-UBCK ngày 2/5/2013 của Chủ tịch UBCKNN do đã tập trung thu hồi các khoản nợ của khách hàng để giảm giá trị rủi ro thanh toán, rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, tái cơ cấu danh mục đầu tư để giảm giá trị rủi ro thị trường. Ngày 28/8/2013 chính thức đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát theo quyết định của Sở GDCK Hà Nội do lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2013 tại Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2013 của VICS đã được soát xét ngày 30/7/2013 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đạt giá trị dương (848.637.936 đồng). Trên cơ sở thực hiện tái cấu trúc Công ty theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông thông qua, tận dụng tốt các cơ hội mà TTCK phục hồi những tháng cuối năm 2013 mà tình hình tài chính của VICS đã được cải thiện rõ rệt. Năm 2013 VICS đạt 12,547 tỷ Đồng doanh thu, bằng 67,47% kế hoạch, và lãi 6,654 tỷ đồng, hoàn thành vượt 4% so với chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2013 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã đề ra.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2014

*** Nhận định, đánh giá chung:**

Theo dự báo của IMF và World Bank, năm 2014, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng khả quan hơn 2013 đối với cả nhóm các nước phát triển và đang phát triển. Dự báo khu vực EU thoát khỏi khủng hoảng với mức tăng trưởng 0,9%, Mỹ 2,7% và Nhật Bản 1,2%. Với dự báo này thì các chỉ số giá trên các TTCK toàn cầu sẽ tăng như một tất yếu nếu không có những sự cố bất thường. Tuy nhiên, mức tăng lớn hay nhỏ sẽ tùy thuộc thị trường mỗi khu vực và mỗi quốc gia bởi tăng trưởng TTCK thường gắn liền với tăng trưởng của nền kinh tế.

Mục tiêu tổng quát kinh tế Việt Nam 2014- 2015 là kiên trì ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, đạt mức tăng trưởng hợp lý; đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế; đảm bảo an

sinh xã hội; phần đầu đến cuối năm 2015 đạt được nền tảng vững chắc để tạo đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Bối cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang có một số điểm thuận lợi như: Đầu tư nước ngoài gia tăng do kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn và kinh tế vĩ mô ổn định nên trong năm tới khả năng thu hút đầu tư cao hơn. Đầu tư tư nhân trong nước sẽ cải thiện nhờ những giải pháp chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh đã triển khai trong thời gian qua phát huy tác dụng trong năm 2014, và những biện pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu giúp hệ thống tài chính cải thiện và nâng cao khả năng cấp tín dụng. Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá từ những dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh đó, kinh tế trong nước tồn tại một số khó khăn như: Doanh nghiệp trong nước vẫn còn khó khăn, nhất là khu vực nông nghiệp; cân đối NSNN tiếp tục khó khăn ảnh hưởng đến khả năng bố trí vốn đầu tư phát triển (30% GDP); trong khi tăng trưởng kinh tế trong 2014 vẫn chủ yếu dựa vào vốn đầu tư do chưa cải thiện được nhiều năng suất và hiệu quả; hiện cán cân thương mại đang dần cải thiện và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn rất mạnh. FDI đã đạt 9,6 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm 2013, trong đó 70% là đầu tư vào lĩnh vực sản xuất.

Theo nghiên cứu của Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia trên cơ sở tính toán mức tăng sản lượng tiềm năng vào thời điểm hiện tại là khoảng 5,3%, với những nhận định về thuận lợi và khó khăn trên và với giả định tăng trưởng 5,3% và lạm phát 7% trong năm 2013, dự báo chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch phát triển kinh tế năm 2014-2015.

Về dự báo VN - Index 2014, theo biểu đồ phân tích kỹ thuật ADX (Average Directional Movement Index) có thể dự báo xu hướng thị trường cho năm 2014 ngay từ những tháng đầu năm.

Với những dự báo kinh tế Việt Nam và thế giới năm 2014, dựa trên thực trạng hoạt động kinh tế Việt Nam, TTCK Việt Nam 2013 và biểu đồ phân tích kỹ thuật VN - Index, có thể đưa ra một số dự báo khả quan về TTCK Việt Nam 2014 như sau:

Thứ nhất, chỉ số giá VN - Index có thể còn tăng ở mức cao hơn 2013 do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chính là: Kinh tế Việt Nam 2014 có khả năng tăng trưởng cao và kinh tế toàn cầu khả quan hơn; TTCK được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm bởi CPI 2013 đầy ấn tượng, chính trị Việt Nam ổn định hơn so với các thị trường mới nổi, so với mặt bằng chung hệ số P/E của cổ phiếu Việt Nam còn thấp...

Thứ hai, số lượng nhà đầu tư trên TTCK 2014 sẽ tăng với tốc độ lớn hơn năm 2013 do những hoạt động tái cấu trúc từ các năm trước và đặc biệt là năm 2013, đồng thời kỳ vọng về

triển vọng kinh tế thúc đẩy các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức sẽ quan tâm hơn đến thị trường Việt Nam.

Thứ ba, năm 2014 sẽ có những thay đổi lớn trên TTCK Việt Nam về cơ cấu, tổ chức hoạt động, tính chuyên nghiệp của TTCK sẽ nâng cao rõ rệt. Mặc dù việc triển khai TTCK phái sinh có thể chưa thể thực hiện ngay trong năm 2014 nhưng đề án này là một tiền đề tạo nên sự đột phá trong quá trình phát triển TTCK Việt Nam, tạo kỳ vọng cho thị trường.

*** Định hướng phát triển Công ty năm 2014:**

Năm 2014 dự kiến sẽ khởi sắc hơn của nền kinh tế cũng như TTCK vào nửa cuối năm, tuy nhiên trước những thách thức nan giải về khả năng phục hồi và phát triển của nền kinh tế trong nước, các tác động tiêu cực từ những hệ lụy, bất cập trong chính sách quản lý và điều hành của Nhà nước, những tồn tại yếu kém trong hệ thống hệ thống tài chính - ngân hàng, doanh nghiệp Nhà nước ... đặc biệt là những tác động của việc tái cấu trúc nền kinh tế trong đó có việc tái cấu trúc TTCK, nhất là đề án tái cấu trúc công ty chứng khoán có thể gây nhiều bất lợi cho các công ty chứng khoán vừa và nhỏ. Với năng lực tài chính hạn chế và nhiều bất lợi trong cạnh tranh, đứng trước những khó khăn thách thức đó, để đảm bảo được yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính khắt khe đối với các CTCK, thì bằng mọi giá VICS phải tiếp tục tái cấu trúc lại toàn bộ hoạt động Công ty để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển.

Trước tình hình đó, VICS cần thiết triệt để thực hiện các định hướng quan trọng và chủ yếu sau:

- Dẫn từng bước mở rộng quy mô hoạt động về tổ chức, mạng lưới, nghiệp vụ kinh doanh và kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ, đảm bảo chỉ duy trì và phát triển các hoạt động nghiệp vụ có lợi nhuận, có hiệu quả và thiết thực đối với quy mô và thực tế hoạt động của Công ty;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo sự phát triển minh bạch và bền vững, hạn chế tối đa các rủi ro hệ thống và rủi ro thị trường, rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động... Đảm bảo tối đa an toàn tài chính trong công tác quản lý tài sản, dịch vụ môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư;
- Nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành và sử dụng của toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất, công nghệ, nhân lực hiện có; Tận dụng tối đa các cơ sở hiện có để phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ chính có hiệu quả; phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, các hoạt động kinh doanh khác trong bối cảnh thị trường khó khăn;

- Tập trung phát triển các mảng hoạt động có khả năng có lợi nhuận như: Tư vấn M&A, môi giới trái phiếu, thu xếp vốn và các dịch vụ tài chính; Tìm kiếm nguồn vốn ổn định, lãi suất thấp để phục vụ hoạt động Margin khi được UBCKNN chấp thuận triển khai dịch vụ này, dịch vụ tài chính và phát triển hoạt động môi giới khi thị trường phục hồi và tăng trưởng;
- Tập trung tái cấu trúc hệ thống tài chính, trong đó ưu tiên việc nâng cao tính thanh khoản của tài sản hiện có; giảm thiểu tối đa rủi ro nợ vay và cho vay, đảm bảo tránh nguy mất thanh khoản, vỡ nợ, phá sản; Xem xét trích lập tối đa dự phòng đầu tư tài chính và các khoản phải thu khi cần thiết; Nỗ lực đảm bảo yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định ở mức tích cực nhất có thể;
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác mạnh về tài chính và chuyên ngành để hỗ trợ về nguồn vốn và thị trường đầu ra cho các hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp Công ty có cơ sở và điểm tựa để nâng tầm phát triển.
- Xem xét thực hiện các giải pháp phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để lành mạnh hóa tình hình tài chính và đáp ứng cao nhất các yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính, làm tiền đề cho việc phát triển lành mạnh trong dài hạn.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đều có đủ các chứng chỉ về quản trị doanh nghiệp và phần lớn đều là những người từng giữ trọng trách tại các Công ty lớn. Trong số bốn thành viên Hội đồng quản trị có một thành viên là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Hiện hai trong số bốn thành viên Hội đồng quản trị Công ty không kiêm nhiệm các chức danh trong Ban Điều hành, điều này đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với Ban Điều hành và tập trung vào định hướng, nghiên cứu chiến lược phát triển dài hạn.

Các thành viên Hội đồng Quản trị:

ÔNG NGUYỄN XUÂN BIỂU

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Biểu là cử nhân kinh tế Đại học Thương mại Hà Nội, cử nhân luật Đại học Luật Tp. HCM. Ông Biểu có kinh nghiệm 15 năm thành công trong cương vị quản lý tài chính, quản lý kinh

doanh tại doanh nghiệp nhà nước và thành viên HĐQT công ty cổ phần, là người đã tham gia sáng lập Công ty Chứng khoán VICS và gây dựng chi nhánh VICS tại Tp. HCM. Ông Biểu hiện đang đảm nhiệm vai trò Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh VICS tại Tp. HCM.

ÔNG LÊ THÁI HƯNG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Hưng là cử nhân Kinh tế ngành Kế toán, Học viện Tài chính Kế toán Hà Nội. Ông Hưng có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán và lĩnh vực xây dựng, giao thông. Ông Hưng từng giữ các chức vụ quản lý tài chính tại Công ty Hợp tác kinh tế - BQP và Phó Phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 (CIENCO-4). Ông hiện là Q. Phó Tổng giám đốc Công ty chứng khoán VICS, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát và tham gia HĐQT một số doanh nghiệp.

ÔNG NGUYỄN XUÂN NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Ngọc là cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế Tp. HCM và cử nhân Anh ngữ tại Đại học KHXH&NV Tp. HCM. Ông Ngọc là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư và chứng khoán. Ông Ngọc hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân.

ÔNG DƯƠNG MẠNH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Tuấn là cử nhân Thiết kế Mỹ thuật tại Đại học Sân khấu – Điện Ảnh Hà Nội. Là người có trên 10 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lâu năm trong lĩnh vực truyền thông tài chính. Ông Tuấn nguyên là Tổng Giám đốc Công ty CP Truyền thông Tài chính Chứng khoán Việt Nam và hiện đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thời báo Chứng khoán Việt Nam.

*** Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm qua, HĐQT đã trực tiếp và thường xuyên định hướng, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ đề ra. Do hoạt động của Công ty chứng khoán là một hoạt động đặc thù trên một thị trường nhạy cảm, có

sự thay đổi diễn biến hàng ngày hàng giờ, nên ngoài việc định hướng chiến lược và giao chỉ tiêu, phân quyền công tác cho Ban điều hành, HĐQT vẫn trực tiếp bám sát tình hình thị trường, nắm bắt sát tình hình thực tế hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, từ đó đã kịp thời nhanh chóng đưa ra các quyết sách, chủ trương chiến lược hợp lý và kịp thời, phản ứng nhanh và sát với diễn biến thị trường. Đó chính là yếu tố quyết định giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và duy trì hoạt động bình thường trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của các công ty chứng khoán trong năm qua.

Do cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như trên nên ngoài các cuộc họp định kỳ tối thiểu hàng Quý theo Luật thì các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Các hình thức trao đổi công việc với nhau qua điện thoại, E-mail hay phương tiện truyền thông hiện đại khác đều được các thành viên Hội đồng quản trị áp dụng, thực hiện để trao đổi, xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời, định hướng hoạt động cho Ban Điều hành.

Kể từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2013 tổ chức ngày 25/5/2013, HĐQT đã họp nhiều phiên thường kỳ và bất thường, kể cả việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để xem xét, quyết định một số công việc có liên quan đến công tác quản trị và chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty. Những công việc chủ yếu đã được HĐQT xem xét giải quyết như sau:

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Giám sát Ban Điều hành Công ty trong chấp hành và thực hiện các quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình cũng như các quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán và TTCK.
- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường tới cơ quan quản lý và các cổ đông.
- Tăng cường công tác giám sát, quản trị của HĐQT đối với Ban Điều hành qua việc thành lập các bộ phận quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Phân công cụ thể các thành viên HĐQT để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của HĐQT.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT đã họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động và thông qua kế hoạch công tác của HĐQT; xem xét, cho ý kiến đối với về tình hình hoạt động kinh doanh Công ty. Trong năm 2013, HĐQT đã thông qua và ban hành 24 Nghị quyết và Quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến công tác quản trị, điều hành, nhân sự.

- Trong quan hệ với cổ đông, HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua báo chí, truyền hình, Website Công ty, công bố thông tin kịp thời các vấn đề theo quy định....
- Các công tác mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Công ty kiểm toán cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo để Ban Điều hành cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cho Ban Kiểm soát, công ty kiểm toán...
- HĐQT luôn chú trọng tăng cường công tác nâng cao năng lực chất lượng công tác kiểm soát nội bộ, tăng cường năng lực quản trị rủi ro hệ thống như: tăng cường nhân sự cho công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro... Sửa đổi, bổ sung các văn bản về quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro, tăng cường phối hợp, kiểm tra, kiểm soát các phòng ban nghiệp vụ, giám sát tuân thủ quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro toàn hệ thống.
- Thiết lập được quan hệ tốt với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành, các tổ chức tài chính - tín dụng trong nước và quốc tế có uy tín để hỗ trợ và giúp đỡ Công ty trong quá trình triển khai các mặt hoạt động.
- Chỉ đạo ban điều hành thực hiện tốt các nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT... đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật lao động hiện hành.

Trong năm tới, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục tăng cường công tác định hướng chỉ đạo, quản trị giám sát Ban điều hành trên mọi mặt, đảm bảo cho công ty hoạt động năng động, linh hoạt và sáng tạo theo diễn biến thị trường, đồng thời đảm bảo quản trị rủi ro và an toàn vốn tối đa trong hoạt động, đưa Công ty đi lên phát triển bền vững. HĐQT và Chủ tịch HĐQT sẽ hoạt động thường trực để trực tiếp và sâu sát trong hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo sự kịp thời, nhạy bén và sát thực tiễn thị trường trong các quyết sách chỉ đạo; Đảm bảo duy trì, phát huy sự ổn định, an toàn và phát triển bền vững cho Công ty trong giai đoạn khó khăn năm tới.

*** Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát năm 2013:**

- Thù lao HĐQT: 0 Đồng
- Thưởng: 96.500.000 Đồng
- Bảo hiểm Xã hội và sức khỏe: 0 Đồng

Số liệu trên là chi phí thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị trong năm 2013. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do các Cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ hàng năm. Khoản thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng

quản trị được tính toán trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm, công khai và minh bạch nhằm đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và quyền lợi của Cổ đông. Năm 2013, trên cơ sở tình hình thực tế khó khăn của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã không nhận thù lao trong năm 2013. Quy định về việc không nhận thù lao Hội đồng Quản trị nêu trên sẽ được áp dụng kể từ tháng 01/2013. Đối với kinh phí hoạt động hàng năm, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ lập dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên trình ĐHĐCĐ thông qua và được cân đối và quyết toán trong tổng mức kinh phí hoạt động chung của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công tác điều hành có tiêu chuẩn đi lại, giao dịch công tác bằng xe ô tô và lái xe của Công ty. Ngoài ra, không có chi phí cá nhân khác.

Do thực tế khó khăn của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Công ty nên trong năm 2013, Công ty duy trì việc chi trả mức lương phù hợp với điều kiện của VICs cho Ban Điều hành và các cán bộ quản lý cao cấp. Chế độ thưởng theo thành tích công việc. Các chế độ khác như khám chữa bệnh, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, sử dụng xe công vụ của Ban Điều hành đều thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Bộ luật Lao động, theo hướng tiết kiệm, có tính đến điều kiện thực tế của Công ty.

Lương của Ban Điều hành: 916.636.037 Đồng

Thưởng: 85.337.300 Đồng

Bảo hiểm Xã hội: 26.862.564 Đồng

Số liệu trên là mức lương, thưởng và bảo hiểm xã hội của Ban Điều hành trong năm 2013. Không ai trong số các thành viên Ban Điều hành được hưởng các quyền lợi khác như: cổ phiếu thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe đặc biệt tại các bệnh viện cao cấp, du lịch nước ngoài hay các chế độ phúc lợi tự nguyện khác do Công ty thực hành chính sách tiết kiệm chi phí quản lý, điều hành do điều kiện thị trường khó khăn cũng như để đảm bảo lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư.

Trong năm 2013, Công ty không có các hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết nào với các thành viên của Ban Điều hành và những người có liên quan.

*** Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực có mức độ rủi ro cao trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của TTCK nói chung nên HĐQT Công ty có ý thức và trách nhiệm cao đối với hoạt động giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Năm 2013 là năm mà HĐQT đẩy mạnh công tác giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo Công ty hoạt động an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2013 và quyết định của HĐQT. Ngoài ra,

HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, đồng thời triển khai việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường việc giám sát và kiểm tra thực hiện các quy trình, quy chế này của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý. HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, văn bản thông báo chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành triển khai thực hiện các chủ trương của HĐQT, ĐHDCĐ, đồng thời xử lý thực hiện các công việc trong công tác quản trị rủi ro, quản lý tài chính, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Đặc biệt, HĐQT đã ban hành các văn bản, thông báo cụ thể cho Tổng giám đốc và Ban điều hành, chỉ đạo yêu cầu triển khai các biện pháp cấp bách về tái cấu trúc tài chính, xử lý thu hồi công nợ, nâng cao tỷ lệ an toàn tài chính để đưa công ty ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt; Kiểm điểm đánh giá Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý nghiệp vụ và quản lý tài chính, công nợ, đầu tư.... Kết quả, trong năm 2013, HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành có các biện pháp cải thiện tình hình tài chính, công nợ, nâng cao hệ số an toàn tài chính và cắt giảm tối đa chi phí hoạt động công ty, hạn chế tối đa thiệt hại, thua lỗ và duy trì hoạt động của công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.

2. BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ HOA HUỆ

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Huệ tốt nghiệp Cao đẳng Tài chính - Kế toán, có trên 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và chứng khoán. Bà Huệ nguyên là Kế toán Trưởng Công ty TNHH Nguyễn Hồng Gia.

Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nhung là Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Nhung có kinh nghiệm 5 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và môi giới chứng khoán.

Bà LÊ THỊ KIM HUYỀN

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Huyền là Cử nhân Kế toán tại Đại học Lao động – Xã hội. Bà Huyền có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – kế toán và chứng khoán.

*** HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, có chứng chỉ nghiệp vụ kế toán theo tiêu chuẩn Nhà nước và đều có các chứng chỉ về quản trị Công ty. Hiện tất cả thành viên Ban Kiểm soát Công ty đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại Công ty. Điều này làm cho hoạt động của Ban Kiểm soát hoàn toàn mang tính độc lập, không bị ảnh hưởng, tác động nào từ phía Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành có tính chất thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo chung cho hoạt động của Công ty phát triển bình thường, không vi phạm pháp luật... Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã xem xét toàn diện hoạt động của Công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của Công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2013. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 đã thực sự tốt lên do chịu ảnh hưởng từ những yếu tố tích cực của nền kinh tế vĩ mô, khủng hoảng của TTCK đã thoát đáy. Trong hoạt động cho dù thị phần Công ty còn nhỏ bé, nhưng thương hiệu VICS vẫn được khẳng định và biết đến trong hoàn cảnh thị trường khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra công nhận và Ban Kiểm soát hoàn toàn thống nhất với các số liệu này.

Hoạt động của Ban Kiểm soát Nội bộ cũng góp phần quan trọng trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của Công ty và nhân viên Công ty và hỗ trợ hoạt động cho Ban Kiểm soát rất tốt.

Trong năm 2013, Công ty không có các hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết nào với các thành viên của Ban Kiểm soát và những người có liên quan.

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Số lượng, chất lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động

Tổng số nhân viên đang làm việc tại VICS tính đến tháng 12 năm 2013 là 21 người, giảm 5 người so với năm 2012. Toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty đều được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Lương của các cán bộ nhân viên kinh doanh trực tiếp được chuyển đổi sang hình thức nhận lương khoán có tính cạnh tranh cao và khuyến khích người lao động chủ động, năng động trong công việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia, hưởng ứng công tác Đoàn Thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên

tham gia các khóa học, đào tạo ở trong nước... Thu nhập bình quân của nhân viên là 8.033.000 Đồng/người/tháng.

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán, VICS đã chú trọng khâu tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nhằm thu hút, tận dụng đội ngũ lãnh đạo cũng như chuyên viên có trình độ và kinh nghiệm.

Bộ máy lãnh đạo HĐQT, Ban điều hành của VICS gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, có kinh nghiệm, tầm nhìn và quản lý lâu năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.... Các cán bộ quản lý khối, phòng, ban đều có các chứng chỉ chuyên môn và đều là những người có nhiều kinh nghiệm về môi giới, tư vấn, phân tích và đầu tư chứng khoán, được đào tạo sâu về tài chính, chứng khoán, kế toán và kiểm toán tại các trường Đại học danh tiếng trong nước và quốc tế.

Với chiến lược nhân sự đúng đắn, VICS sẽ tiếp tục thu hút được nhiều nhân sự giỏi, có kinh nghiệm chuyên sâu về làm việc ổn định tại Công ty. Hiện nay, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên viên đặc biệt là các cán bộ các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ hầu hết là cán bộ trẻ nhưng đã có nhiều năm công tác gắn bó tại công ty. Qua đó giúp Công ty đảm bảo sự ổn định và thông suốt trong quản lý vận hành nghiệp vụ, đạt năng suất lao động và hiệu quả công việc cao.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, VICS cũng chú trọng xây dựng mức lương, thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm, toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị của Ban lãnh đạo, tính chuyên nghiệp và chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên cùng sự đồng lòng nhất trí vì mục tiêu phát triển chung của Công ty đã, đang và sẽ là động lực chính giúp VICS vượt qua các khó khăn thách thức, phát triển bền vững, tăng trưởng cao trong thời gian tới.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị

Trước thời điểm ngày 25/5/2013 (ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013), Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2008-2013 (gồm 4 thành viên):

- 1) Ông **Nguyễn Phúc Long** – Chủ tịch HĐQT

- 2) Ông **Lê Ngọc Quang** - Phó Chủ tịch HĐQT
- 3) Ông **Lê Thành Công** – Phó Chủ tịch HĐQT
- 4) Ông **Nguyễn Xuân Biểu** - Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2008-2013 gồm 3 thành viên:

- 1) Ông **Khương Tất Thành** – Trưởng Ban Kiểm soát
- 2) Ông **Trần Hải Văn** – Thành viên BKS
- 3) Bà **Hồ Thị Hiền** – Thành viên BKS

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013, các cổ đông Công ty đã bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013-2018 do HĐQT, Ban Kiểm soát cũ đã hết nhiệm kỳ. Kết quả, các cổ đông đã nhất trí bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát mới gồm thành viên có tên sau đây:

Các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018:

- 1) Ông **Nguyễn Xuân Biểu**;
- 2) Ông **Lê Thái Hưng**;
- 3) Ông **Nguyễn Hồng Minh** (đã miễn nhiệm ngày 11/3/2014 theo Nghị quyết số 61/2014/NQ-HĐQT ngày 11/3/2013 của HĐQT thông qua việc từ nhiệm của ông Nguyễn Hồng Minh 0 thành viên HĐQT)
- 4) Ông **Nguyễn Xuân Ngọc**;
- 5) Ông **Dương Mạnh Tuấn**.

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018:

- 1) Bà **Nguyễn Thị Hoa Huệ**;
- 2) Bà **Phạm Hồng Nhung**;
- 3) Bà **Lê Thị Kim Huyền**.

Ngay sau kết quả bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018, các thành viên HĐQT đã nhóm họp ngày 28/5/2013 để bầu các chức danh trong HĐQT, Ban Kiểm soát. Kết quả là: ông **Nguyễn Xuân Biểu** giữ chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, ông

Lê Thái Hưng giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT và bà **Nguyễn Thị Hoa Huệ** được bầu giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát (đến thời điểm ngày 17/3/2014 bà Huệ đã được chấp thuận thôi giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyện vọng cá nhân và bà **Phạm Thị Hồng Nhung** hiện đang giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát Công ty theo Quyết định số 72/2014/QĐ-HĐQT ngày 17/3/2014 của HĐQT).

Kết quả Đại hội Cổ đông thường niên 2013 và việc bầu các chức danh trong HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 đã được Công ty thực hiện công bố thông tin tới các cơ quan quản lý và trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trên Website của Công ty.

Thay đổi nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc:

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh trong Ban Tổng Giám đốc Công ty (sắp xếp theo trình tự thời gian):

- 1) Bà **Phạm Thị Hồng Nhung** – Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 22/7/2013.
- 2) Bà **Bùi Hồng Mai** - Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 22/7/2013.
- 3) Ông **Nghiêm Giang Anh** – Thư ký Công ty – Bổ nhiệm ngày 22/7/2013.
- 4) Bà **Đào Thị Thanh** – Q. Phó Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 20/8/2013.
- 5) Ông **Nguyễn Mạnh Hà** – Trưởng Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng – Miễn nhiệm ngày 20/8/2013.
- 6) Ông **Trần Xuân Đại Thắng** - Trưởng Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng – Bổ nhiệm ngày 20/8/2013.
- 7) Ông **Lê Thái Hưng** – Giám đốc Tài chính - Miễn nhiệm ngày 26/11/2013.
- 8) Ông **Nguyễn Thành Vinh** – Giám đốc Khối IT – Bổ nhiệm ngày 26/11/2013.

Tất cả những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng thuộc diện phải công bố thông tin, Công ty đều thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cũng như công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, Website của Công ty.

QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cùng với hoạt động kinh doanh, năm 2013 là năm Công ty có nhiều hoạt động xã hội và các sự kiện quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới cả quá trình phát triển của Công ty. Cùng với các hoạt động hợp tác toàn diện và cung cấp dịch vụ cho nhiều đối tác, khách hàng lớn trên cả nước, năm qua VICS cũng đã tổ chức thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa đối với cộng đồng và xã hội. Tại VICS, trách nhiệm với xã hội và cộng đồng được đặc biệt coi trọng. VICS luôn xác định rằng ngoài trách nhiệm hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, làm lợi cho nhà đầu tư, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và đảm bảo đời sống, việc làm và sự nghiệp cho cán bộ nhân viên, thì mỗi cá nhân trong tập thể VICS đều hiểu rằng còn phải có trách nhiệm đóng góp và chia sẻ lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

Đối với các nhà đầu tư, trong năm 2013 Công ty cũng đã hợp tác với báo Thời báo Chứng khoán Việt Nam để giới thiệu về cơ hội đầu tư, phân tích thị trường cũng như định kỳ hàng ngày, tuần, tháng cung cấp các bản tin tới nhà đầu tư nhằm mục đích giới thiệu cơ hội đầu tư, đánh giá và phân tích rủi ro về thị trường, mã cổ phiếu hỗ trợ cho Nhà đầu tư.

Tất cả các hoạt động trên của VICS là nỗ lực từ ý thức mong muốn góp phần tạo nên những giá trị hữu ích và những điều tốt đẹp nhất cho xã hội và cộng đồng. Chính những điều đó cũng đã góp phần giúp VICS nâng cao uy tín hình ảnh thương hiệu trên thị trường cũng như trong xã hội.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

- **Hội sở chính :**

Địa chỉ: No 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, quận 1, Tp. HCM

Tel : (84-8) 3.9110788 Fax : (84-8) 3.9110789

Hotline: 08-39105555

- **Chi nhánh Thành phố Hà Nội :**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel : (84-4) 35148766 Fax : (84-4) 35148768 Email: info@vics.com.vn

Hotline: 04-35149999

- **Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng:**

Địa chỉ: Tầng 5, lô 505 tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel : (84-4) 62588555 Fax : (84-4) 62557555

- **Phòng Giao dịch Huỳnh Thúc Kháng:**

Địa chỉ: P.502-503 Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel : (84-4) 37735721 Fax : (84-4) 37735182

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Thái Hưng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Dương Mạnh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Lê Thành Công	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Trịnh Văn Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2013

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này

bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều

Tổng Giám đốc

Ông Lê Thái Hưng

Quyền Phó Tổng Giám đốc

Bà Đào Thị Thanh

Quyền Phó TGD

Miễn nhiệm ngày 20/08/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ

Trưởng ban

Bà Lê Thị Kim Huyền

Thành viên

Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 03 năm 2014

TM Ban giám đốc

Tổng giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Biều



Số: 431 /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

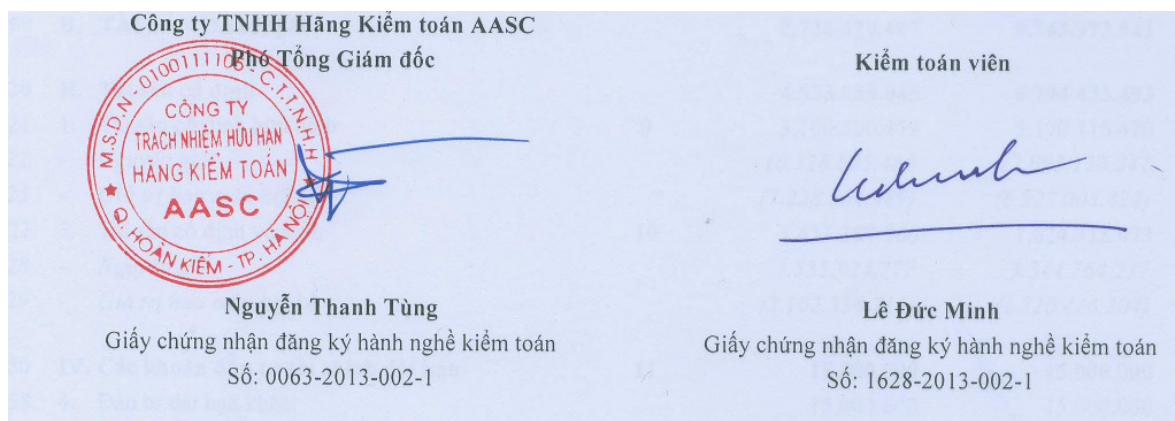
Vấn đề khác

1. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đang đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần tòa nhà Công nghệ Thông tin - truyền thông Hà Nội với tổng khối lượng là 2.400.000 cổ phiếu (bao gồm đầu tư tự doanh là 1.200.000 cổ phiếu, ủy thác qua Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính VICS (VICS Invest) là 1.200.000 cổ phiếu), chiếm tỷ lệ 30% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần tòa nhà Công nghệ Thông tin – Truyền thông Hà Nội, cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điểm 4d, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên khoản đầu tư này được mua từ tháng 6 năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực, do đó ngày 17/03/2014, Công ty đã có Công văn số 82/2014/CV-VICS gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có lộ trình thoái vốn để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

2. Đến thời điểm 31/12/2013, tổng giá trị đầu tư và giá trị ủy thác vào Cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 57,24 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 25,57% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013), cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điểm 3, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên cổ phiếu của Công ty Cổ phần tòa nhà Công nghệ Thông tin - truyền thông Hà Nội (nêu tại điểm 1) đã chiếm 76,31% trong tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, được mua từ năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Do đó, trong công văn số 82/2014/CV-VICS ngày 17/03/2014 Công ty cũng đã giải trình và báo cáo vấn đề này với Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như cam kết lộ trình thoái vốn để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

3. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đang đầu tư vào cổ phiếu VIG (cổ phiếu của Công ty) với tổng khối lượng là 790.000 cổ phiếu (bao gồm đầu tư tự doanh là 10.000 cổ phiếu, ủy thác qua Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính VICS (VICS Invest) là 780.900 cổ phiếu), chiếm tỷ lệ 2,32% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Việc nắm giữ cổ phiếu để đầu tư không vì mục đích mua làm cổ phiếu quỹ là chưa phù hợp với quy định tại Điểm 1, Điều 41, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên việc nắm giữ 10.000 cổ phiếu quỹ trên tài khoản tự doanh là do Công ty mua để xử lý lỗi giao dịch ngày 29/05/2012 theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán, còn số cổ phiếu ủy thác qua VICS Invest đã được công ty tất toán toàn bộ ngày 07/03/2014, đáp ứng đúng quy định của Thông tư hiện hành.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		248,392,047,860	246,516,471,906
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	120,499,048,005	108,033,367,368
111	1. Tiền		120,499,048,005	108,033,367,368
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	79,788,758,317	84,268,208,098
121	1. Đầu tư ngắn hạn		100,359,232,486	108,122,824,048
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(20,570,474,169)	(23,854,615,950)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	43,673,168,493	48,356,460,684
131	1. Phải thu của khách hàng		324,644,830	33,000,000
132	2. Trả trước cho người bán		899,279,380	1,053,060,848
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1,345,095,820	1,768,636,909
138	5. Các khoản phải thu khác		73,508,978,676	89,000,926,321
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32,404,830,213)	(43,499,163,394)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,431,073,045	5,858,435,756
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		53,215,999	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	25,496,382
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	117,835,909	119,503,462
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	4,260,021,137	5,713,435,912
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7,726,420,407	9,743,973,541
220	II. Tài sản cố định		4,533,888,045	6,794,433,493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3,100,500,479	5,170,115,420
222	- Nguyên giá		10,328,505,468	12,093,120,842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7,228,004,989)	(6,923,005,422)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1,433,387,566	1,624,318,073
228	- Nguyên giá		3,535,924,277	3,344,764,277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,102,536,711)	(1,720,446,204)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	15,000,000	15,000,000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		15,000,000	15,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3,177,532,362	2,934,540,048
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	191,893,132	240,616,322
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2,985,639,230	2,693,923,726
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		256,118,468,267	256,260,445,447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

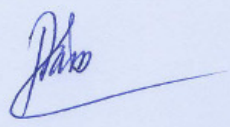



(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32,234,520,915	39,030,468,824
310	I. Nợ ngắn hạn		32,234,520,915	39,030,468,824
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	24,162,937,426	30,512,510,432
312	2. Phải trả người bán		11,000,000	4,653,000
313	3. Người mua trả tiền trước		90,000,000	50,000,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	47,267,798	20,333,173
315	5. Phải trả người lao động		202,086,489	207,000,660
316	6. Chi phí phải trả	16	3,156,437,821	2,404,241,764
317	7. Phải trả nội bộ		-	88,368,600
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	4,564,791,381	5,735,664,269
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	7,696,926
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		223,883,947,352	217,229,976,623
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	223,883,947,352	217,229,976,623
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341,333,000,000	341,333,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14,625,850,000	14,625,850,000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(10,400,000)	(10,400,000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1,813,981,917	1,813,981,917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1,813,981,917	1,813,981,917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(135,692,466,482)	(142,346,437,211)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		256,118,468,267	256,260,445,447

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		26.24	93.39
006	6. Chứng khoán lưu ký		346,916,830,000	422,657,290,000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		342,489,680,000	410,146,130,000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	3,855,700,000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		252,489,680,000	316,290,430,000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		90,000,000,000	90,000,000,000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		2,595,810,000	2,598,110,000
	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			
014	- nước		2,595,810,000	2,598,110,000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		1,807,300,000	9,913,050,000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		1,807,300,000	9,913,050,000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		24,040,000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		24,040,000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		6,621,050,000	2,539,020,000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		6,621,050,000	2,539,020,000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6,621,050,000	2,539,020,000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	21,649,340,000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

<p>Người lập</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Vũ Huyền Trâm</p>	<p>Kế toán trưởng</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Vũ Huyền Trâm</p>	<p style="text-align: center;">Tổng Giám đốc</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">Nguyễn Xuân Biều</p>
---	--	---

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	12,547,121,582	18,597,230,541
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		952,907,555	1,589,889,373
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		315,705,800	238,137,980
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2,128,841,582	419,091,365
01.9	Doanh thu khác		9,149,666,645	16,350,111,823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	12,547,121,582	18,597,230,541
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	9,490,055,900	69,175,861,544
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3,057,065,682	(50,578,631,003)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3,129,268,739)	12,674,073,290
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6,186,334,421	(63,252,704,293)
31	8. Thu nhập khác	22	1,268,344,358	42,023,276
32	9. Chi phí khác	23	800,708,050	190,000,000
40	10. Lợi nhuận khác		467,636,308	(147,976,724)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,653,970,729	(63,400,681,017)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6,653,970,729	(63,400,681,017)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	195	(1,857)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

<p>Người lập</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">Vũ Huyền Trâm</p>	<p>Kế toán trưởng</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">Vũ Huyền Trâm</p>	<p style="text-align: center;">S.G.P. : 42 TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">Nguyễn Xuân Biều</p>
--	---	---

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6,653,970,729	(63,400,681,017)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1,978,466,628	2,298,327,877
03	- Các khoản dự phòng		(14,378,474,962)	1,233,716,301
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7,178,229,004)	11,891,203,323
06	- Chi phí lãi vay		2,877,492,280	6,304,836,567
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10,046,774,329)	(41,672,596,949)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16,288,463,346	113,123,356,290
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		3,051,000,000	21,859,868,326
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(337,271,346)	(11,317,374,364)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		220,901,462	1,003,472,677
13	- Tiền lãi vay đã trả		(2,986,595,837)	(6,483,486,571)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,421,728,589	28,210,541
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(670,670,592)	267,416,042
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7,940,781,293	76,808,865,992
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(232,990,909)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		641,405,455	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16,863,802,305)	(54,665,941,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20,687,204,892	69,225,082,618
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6,642,655,217	23,218,487,329
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10,874,472,350	37,777,628,947
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		123,555,073	13,094,992,772
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6,473,128,079)	(30,911,021,214)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6,349,573,006)	(17,816,028,442)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12,465,680,637	96,770,466,497
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		108,033,367,368	11,262,900,871
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>120,499,048,005</u>	<u>108,033,367,368</u>



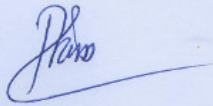
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2013

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341,333,000,000	-	-	341,333,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14,625,850,000	-	-	14,625,850,000
4. Cổ phiếu quỹ		(10,400,000)	-	-	(10,400,000)
7. Quỹ đầu tư phát triển		1,813,981,917	-	-	1,813,981,917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1,813,981,917	-	-	1,813,981,917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(142,346,437,211)	6,653,970,729	-	(135,692,466,482)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	217,229,976,623	6,653,970,729	-	223,883,947,352

Năm 2012	Thuyết minh	01-01-12 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31-12-12 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341,333,000,000	-	-	341,333,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		14,625,850,000	-	-	14,625,850,000
4. Cổ phiếu quỹ		(10,400,000)	-	-	(10,400,000)
7. Quỹ đầu tư phát triển		1,813,981,917	-	-	1,813,981,917
8. Quỹ dự phòng tài chính		1,813,981,917	-	-	1,813,981,917
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(78,945,756,194)	(63,400,681,017)	-	(142,346,437,211)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	280,630,657,640	(63,400,681,017)	-	217,229,976,623

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

<p>Người lập</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Vũ Huyền Trâm</p>	<p>Kế toán trưởng</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Vũ Huyền Trâm</p>	<p>Tổng Giám đốc</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;"></p> <p>Nguyễn Xuân Biều</p>
--	---	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	TP. Hà Nội	Môi giới, tự doanh, tư vấn

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Cụ thể tại thời điểm 31/12/2013, giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán: Công ty Cổ phần Chứng khoán phố An Phát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của người đầu tư	56,401,608	352,512,927,200
- Cổ phiếu	56,400,578	352,499,717,200
- Chứng chỉ quỹ	1,030	13,210,000
	56,401,608	352,512,927,200

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	6,451,926,495	7,913,109,756
Tiền gửi ngân hàng	110,119,228,880	95,237,891,446
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	925,073,203	3,238,190,442
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	15,345,763	1,962,213
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2,987,473,664	1,642,213,511
	120,499,048,005	108,033,367,368

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			42,969,189,643	46,020,189,643	3,000,000	-	(5,549,039,643)	(7,700,237,643)	37,423,150,000	38,319,952,000
Chứng khoán niêm yết			6,739,189,643	6,739,189,643	3,000,000	-	(3,749,039,643)	(5,045,237,643)	2,993,150,000	1,693,952,000
- DXV	15,000	15,000	219,000,000	219,000,000	-	-	(162,000,000)	(160,500,000)	57,000,000	58,500,000
- ITC	3,000	3,000	75,300,000	75,300,000	-	-	(52,200,000)	(51,000,000)	23,100,000	24,300,000
- SVC	27,070	27,070	904,889,643	904,889,643	-	-	(498,839,643)	(536,737,643)	406,050,000	368,152,000
- TIG	330,000	330,000	5,511,000,000	5,511,000,000	-	-	(3,036,000,000)	(4,290,000,000)	2,475,000,000	1,221,000,000
- VIG	10,000	10,000	29,000,000	29,000,000	3,000,000	-	-	(7,000,000)	32,000,000	22,000,000
Chứng khoán chưa niêm yết			36,230,000,000	39,281,000,000	-	-	(1,800,000,000)	(2,655,000,000)	34,430,000,000	36,626,000,000
- CPICT	1,200,000	1,200,000	23,400,000,000	23,400,000,000	-	-	-	-	23,400,000,000	23,400,000,000
- CPVPB	100,000	100,000	2,700,000,000	2,700,000,000	-	-	(1,800,000,000)	(1,890,000,000)	900,000,000	810,000,000
- DGHDC	73,000	31,600	730,000,000	316,000,000	-	-	-	-	730,000,000	316,000,000
- DGSBC	-	50,000	-	3,465,000,000	-	-	-	(765,000,000)	-	2,700,000,000
- KSVLXDHN	783,333	783,333	9,400,000,000	9,400,000,000	-	-	-	-	9,400,000,000	9,400,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác			57,390,042,843	62,102,634,405	91,012,683	-	(15,021,434,526)	(16,154,378,307)	42,459,621,000	45,948,256,098
- Ủy thác đầu tư VICS INVEST - cổ phiếu niêm yết	-	-	16,695,750,843	21,442,542,405	91,012,683	-	(4,019,608,526)	(15,205,386,307)	12,767,155,000	6,237,156,098
ACB	-	17	-	594,002	-	-	-	(316,904)	-	277,098
CKV	-	5,000	-	64,351,750	-	-	-	(21,851,750)	-	42,500,000
SD9	-	41,000	-	806,920,075	-	-	-	(499,420,075)	-	307,500,000
SJM	15,000	15,000	163,500,000	201,600,000	-	-	(123,000,000)	(168,600,000)	40,500,000	33,000,000
TIG	1,172,250	1,247,870	11,181,851,406	15,811,570,555	-	-	(2,389,976,406)	(11,194,451,555)	8,791,875,000	4,617,119,000
VCG	34,000	34,000	292,531,317	657,545,529	50,868,683	-	-	(368,545,529)	343,400,000	289,000,000
VIG	780,900	430,800	4,005,512,120	3,899,960,494	-	-	(1,506,632,120)	(2,952,200,494)	2,498,880,000	947,760,000
SC5	47,500	-	1,052,356,000	-	40,144,000	-	-	-	1,092,500,000	-
- Ủy thác đầu tư cổ phiếu SCL	34,200	34,200	1,140,512,000	1,106,312,000	-	-	(538,592,000)	(948,992,000)	601,920,000	157,320,000
- Ủy thác đầu tư dự án ICT Tower	-	-	20,280,000,000	20,280,000,000	-	-	-	-	20,280,000,000	20,280,000,000
- Ủy thác cho bà Lê Thúy Hằng	-	-	6,000,000,000	6,000,000,000	-	-	(5,574,454,000)	-	425,546,000	6,000,000,000
- Cho CBNV VICS vay	-	-	1,376,320,000	1,376,320,000	-	-	(1,376,320,000)	-	-	1,376,320,000
- Dự án Hồ Thủy Tiên - Tp. Huế	-	-	220,000,000	220,000,000	-	-	(220,000,000)	-	-	220,000,000
- Đầu tư ủy thác Công ty CP Đầu tư Thời báo Chứng khoán Việt Nam	-	-	510,000,000	510,000,000	-	-	-	-	510,000,000	510,000,000
- Đầu tư ủy thác bất động sản Thăng Long	-	-	11,167,460,000	11,167,460,000	-	-	(3,292,460,000)	-	7,875,000,000	11,167,460,000
			100,359,232,486	108,122,824,048	94,012,683	-	(20,570,474,169)	(23,854,615,950)	79,882,771,000	84,268,208,098

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phải thu của khách hàng	33,000,000	-	-	3,446,451,093	3,154,806,263	324,644,830	-	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	33,000,000	-	-	3,446,451,093	3,154,806,263	324,644,830	-	-	-
Trả trước cho người bán	1,053,060,848	-	698,271,240	526,862,578	680,644,046	899,279,380	-	698,271,240	(698,271,240)
- Ứng trước Công ty CP VICS INVEST	300,000,000	-	-	-	300,000,000	-	-	-	-
- Ứng trước Công ty Phần mềm HT2D	470,385,000	-	470,385,000	-	-	470,385,000	-	470,385,000	(470,385,000)
- Ứng trước cho ông Triệu Xã Luận	42,000,000	-	42,000,000	-	-	42,000,000	-	42,000,000	(42,000,000)
- Ứng trước cho bà Nguyễn Thị Liễu	30,000,000	-	30,000,000	-	-	30,000,000	-	30,000,000	(30,000,000)
- Ứng trước Công ty CP SUNTECH	90,900,000	-	90,900,000	-	-	90,900,000	-	90,900,000	(90,900,000)
- Ứng trước DLHC	51,786,240	-	51,786,240	-	-	51,786,240	-	51,786,240	(51,786,240)
- Ứng trước Công ty CP Bất động sản Đầu tư Hà Thành	-	-	-	370,362,578	199,499,038	170,863,540	-	-	-
- Ứng trước khác	67,989,608	-	13,200,000	156,500,000	181,145,008	43,344,600	-	13,200,000	(13,200,000)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1,768,636,909	-	-	31,963,863,121	32,387,404,210	1,345,095,820	-	823,700,000	(823,700,000)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1,768,636,909	-	-	31,963,863,121	32,387,404,210	1,345,095,820	-	823,700,000	(823,700,000)
Các khoản phải thu khác	89,000,926,321	-	43,499,163,394	33,346,019,549	48,837,967,194	73,508,978,676	-	30,882,858,973	(30,882,858,973)
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	82,405,192,083	-	43,499,163,394	-	24,729,702,962	57,675,489,121	-	28,727,373,146	(28,727,373,146)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,164,524,125	-	-	23,189,053,386	11,770,525,873	14,583,051,638	-	1,980,566,201	(1,980,566,201)
- Phải thu Công ty CP Đầu tư Thăng Long	1,959,070,403	-	-	-	1,959,070,403	-	-	-	-
- Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	389,300,000	-	-	7,500,000	396,800,000	-	-	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi quá	770,199,972	-	-	82,655,250	81,355,250	771,499,972	-	-	-
- Phải thu khác	312,639,738	-	-	10,066,810,913	9,900,512,706	478,937,945	-	174,919,626	(174,919,626)
	91,855,624,078	-	44,197,434,634	69,283,196,341	85,060,821,713	76,077,998,706	-	32,404,830,213	(32,404,830,213)

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	43,499,163,394	-
Trích lập/hoàn nhập	(11,094,333,181)	43,499,163,394
Tại ngày cuối năm	<u>32,404,830,213</u>	<u>43,499,163,394</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,667,553
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117,835,909	117,835,909
	<u>117,835,909</u>	<u>119,503,462</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	3,699,404,039	3,401,760,817
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	560,617,098	2,311,675,095
	<u>4,260,021,137</u>	<u>5,713,435,912</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2013	1,101,857,877	4,310,897,380	6,680,365,585	12,093,120,842
Mua sắm	-	-	12,990,909	12,990,909
Thanh lý, nhượng bán	-	(615,865,320)	(227,500,000)	(843,365,320)
Giảm do phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(44,362,727)	(79,595,456)	(810,282,780)	(934,240,963)
Tại ngày 31/12/2013	1,057,495,150	3,615,436,604	5,655,573,714	10,328,505,468
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2013	633,663,368	2,293,089,435	3,996,252,619	6,923,005,422
Trích khấu hao	138,278,597	550,401,472	897,105,872	1,585,785,941
Thanh lý, nhượng bán	-	(402,023,195)	(151,666,667)	(553,689,862)
Giảm do phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(33,898,443)	(66,252,875)	(626,945,194)	(727,096,512)
Tại ngày 31/12/2013	738,043,522	2,375,214,837	4,114,746,630	7,228,004,989
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2013	468,194,509	2,017,807,945	2,684,112,966	5,170,115,420
Tại ngày 31/12/2013	319,451,628	1,240,221,767	1,540,827,084	3,100,500,479

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 361.974.420 đồng

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	3,344,764,277	3,344,764,277
Mua sắm	220,000,000	220,000,000
Giảm do phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(28,840,000)	(28,840,000)
Tại ngày 31/12/2013	3,535,924,277	3,535,924,277
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	1,720,446,204	1,720,446,204
Trích khấu hao	392,680,687	392,680,687
Giảm do phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(10,590,180)	(10,590,180)
Tại ngày 31/12/2013	2,102,536,711	2,102,536,711
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	1,624,318,073	1,624,318,073
Tại ngày 31/12/2013	1,433,387,566	1,433,387,566

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15,000,000	15,000,000
	15,000,000	15,000,000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày đầu năm	240,616,322	1,244,088,999
Tăng	225,394,271	39,497,800
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(41,086,290)	(1,042,970,477)
Giảm khác	(233,031,171)	-
Tại ngày cuối năm	191,893,132	240,616,322
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	187,828,559	17,242,500
Chi phí trả trước dài hạn khác	4,064,573	223,373,822
	191,893,132	240,616,322

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	2,326,783,055	2,326,783,055
Tiền lãi phân bổ trong năm	538,856,175	247,140,671
Số dư cuối năm	2,985,639,230	2,693,923,726

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	30,512,510,432	123,555,073	(6,473,128,079)	24,162,937,426
Vay đối tượng khác	30,512,510,432	123,555,073	(6,473,128,079)	24,162,937,426
	30,512,510,432	123,555,073	(6,473,128,079)	24,162,937,426

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và PTNN Hà Nội (*)	24,162,937,426	26,162,937,426
Công ty Cổ phần Tài nguyên Khoáng sản và BĐS Thăng Long	-	2,500,000,004
Bà Nguyễn Thị Hạnh	-	1,849,573,002
	24,162,937,426	30,512,510,432

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 giữa Công ty với Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8,480,928	-
Thuế Thu nhập cá nhân	38,786,870	20,333,173
	47,267,798	20,333,173

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1,709,155,607	1,818,259,164
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1,378,092,862	585,982,600
Trích trước chi phí khác	69,189,352	-
	3,156,437,821	2,404,241,764

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1,366,565	598,540
Kinh phí công đoàn	31,330,086	84,753,559
Bảo hiểm xã hội	9,538,179	151,649,703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,912,546,867	4,880,403,953
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104,625,000	104,625,000
Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	130,900,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	505,384,684	382,733,514
	4,564,791,381	5,735,664,269

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012							
Tại ngày 01/01/2012	341,333,000,000	14,625,850,000	(10,400,000)	1,813,981,917	1,813,981,917	(78,945,756,194)	280,630,657,640
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(63,400,681,017)	(63,400,681,017)
Tại ngày 31/12/2012	341,333,000,000	14,625,850,000	(10,400,000)	1,813,981,917	1,813,981,917	(142,346,437,211)	217,229,976,623
Năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	341,333,000,000	14,625,850,000	(10,400,000)	1,813,981,917	1,813,981,917	(142,346,437,211)	217,229,976,623
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	6,653,970,729	6,653,970,729
Tại ngày 31/12/2013	341,333,000,000	14,625,850,000	(10,400,000)	1,813,981,917	1,813,981,917	(135,692,466,482)	223,883,947,352

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6.13%	20,940,000,000	6.13%	20,940,000,000
Asean Small Cap Fund	12.73%	43,444,000,000	5.22%	17,804,000,000
Vốn góp của cổ đông khác	81.14%	276,949,000,000	88.65%	302,589,000,000
	100%	341,333,000,000	100%	341,333,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341,333,000,000	341,333,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>341,333,000,000</i>	<i>341,333,000,000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>341,333,000,000</i>	<i>341,333,000,000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34,133,300	34,133,300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34,133,300	34,133,300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34,133,300</i>	<i>34,133,300</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500	500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>500</i>	<i>500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34,132,800	34,132,800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34,132,800</i>	<i>34,132,800</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

19 . DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu	12,547,121,582	18,597,230,541
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	952,907,555	1,589,889,373
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	315,705,800	238,137,980
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2,128,841,582	419,091,365
- Doanh thu khác	9,149,666,645	16,350,111,823
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	12,547,121,582	18,597,230,541

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	137,070,272	180,671,514
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7,367,295,858	57,530,029,732
Chi phí hoạt động tư vấn	36,282,093	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	202,781,829	242,927,387
Chi phí dự phòng	(3,284,141,781)	1,233,716,301
Chi phí khác	3,020,893,360	6,815,285,767
Chi phí trực tiếp chung	2,009,874,269	3,173,230,843
	9,490,055,900	69,175,861,544

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2,498,078,870	3,314,273,824
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	186,685,698	465,750,134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,533,301,668	1,776,211,276
Thuế, phí và lệ phí	4,890,000	4,068,000
Chi phí dự phòng	(11,094,333,181)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,539,891,528	6,086,219,833
Chi phí khác bằng tiền	202,216,678	1,027,550,223
	(3,129,268,739)	12,674,073,290

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	641,405,455	37,000,000
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	625,743,782	-
Thu nhập khác	1,195,121	5,023,276
	1,268,344,358	42,023,276

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	289,675,458	-
Chi phí phạt vi phạm, phạt chậm nộp	10,088,679	190,000,000
Chi phí từ cho thuê văn phòng	500,943,913	-
	800,708,050	190,000,000

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,653,970,729	(63,400,681,017)
Các khoản điều chỉnh tăng	480,743,929	190,000,000
- Chi phí không hợp lệ	480,743,929	190,000,000
Các khoản điều chỉnh giảm	(160,338,054,018)	(96,811,667,201)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(315,705,800)	(238,137,980)
- Chuyển lỗ các năm trước	(160,022,348,218)	(96,573,529,221)
Tổng thu nhập tính thuế	(153,203,339,360)	(160,022,348,218)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(117,835,909)	(117,835,909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(117,835,909)	(117,835,909)

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	6,653,970,729	(63,400,681,017)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6,653,970,729	(63,400,681,017)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34,132,800	34,132,800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	195	(1,857)

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	120,499,048,005	-	108,033,367,368	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	75,178,719,326	(32,404,830,213)	90,802,563,230	(43,499,163,394)
Đầu tư ngắn hạn	100,359,232,486	(20,570,474,169)	108,122,824,048	(23,854,615,950)
Đầu tư dài hạn	15,000,000	-	15,000,000	-
	296,051,999,817	(52,975,304,382)	306,973,754,646	(67,353,779,344)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	24,162,937,426	30,512,510,432
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	4,575,791,381	5,740,317,269
Chi phí phải trả	3,156,437,821	2,404,241,764
	31,895,166,628	38,657,069,465

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	120,499,048,005	-	-	120,499,048,005
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	42,773,889,113	-	-	42,773,889,113
Đầu tư ngắn hạn	79,788,758,317	-	-	79,788,758,317
Đầu tư dài hạn	-	15,000,000	-	15,000,000
	243,061,695,435	15,000,000	-	243,076,695,435
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108,033,367,368	-	-	108,033,367,368
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	47,303,399,836	-	-	47,303,399,836
Đầu tư ngắn hạn	84,268,208,098	-	-	84,268,208,098
Đầu tư dài hạn	-	15,000,000	-	15,000,000
	239,604,975,302	15,000,000	-	239,619,975,302

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	24,162,937,426	-	-	24,162,937,426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải	4,575,791,381	-	-	4,575,791,381
Chi phí phải trả	3,156,437,821	-	-	3,156,437,821
	31,895,166,628	-	-	31,895,166,628
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	30,512,510,432	-	-	30,512,510,432
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải	5,740,317,269	-	-	5,740,317,269
Chi phí phải trả	2,404,241,764	-	-	2,404,241,764
	38,657,069,465	-	-	38,657,069,465

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	3,912,546,867	4,880,403,953
	3,912,546,867	4,880,403,953

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động tư vấn	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	952,907,555	315,705,800	2,128,841,582	9,149,666,645	12,547,121,582
Chi phí bộ phận trực tiếp	339,852,101	7,367,295,858	36,282,093	(1,382,642,891)	6,360,787,161
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	613,055,454	(7,051,590,058)	2,092,559,489	10,532,309,536	6,186,334,421
Tài sản bộ phận trực tiếp	8,243,281,917	79,819,104,080	324,644,830	41,550,601,412	129,937,632,239
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	126,180,836,028
Tổng tài sản	8,243,281,917	79,819,104,080	324,644,830	41,550,601,412	256,118,468,267
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	3,912,546,867	-	-	-	3,912,546,867
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	28,321,974,048
Tổng nợ phải trả	3,912,546,867	-	-	-	32,234,520,915

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1,098,473,337	1,021,547,660

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

